

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Số:141 /SGDĐT-NV1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 25 tháng 3 năm 2021

V/v hướng dẫn sử dụng khung năng lực giáo viên ngoại ngữ cơ sở giáo dục phổ thông

Kính gửi:

- Các Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Các trường THPT;
- Các Trung tâm GDTX- GDNN.

Sở Giáo dục và Đào tạo Đồng Nai (GDĐT) nhận được văn bản số 2069/BGDDĐT-NCBQLGD ngày 11/6/2020 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn sử dụng khung năng lực giáo viên ngoại ngữ cơ sở giáo dục phổ thông.

Sở GDĐT gởi văn bản nói trên theo địa chỉ Email của các đơn vị. Đề nghị thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu khó khăn, vướng mắc báo cáo về Sở GDĐT để được hướng dẫn giải quyết./. Nguyễn Thị Kim Huệ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc Sở GD&ĐT;
- Phòng TCCB, Thanh tra;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, NV1.Nguyễn Thị Kim Huệ

GIÁM ĐỐC



Trương Thị Kim Huệ

Số2069 /BGDĐT-NGCBQLGD

V/v hướng dẫn sử dụng khung
năng lực giáo viên ngoại ngữ
cơ sở giáo dục phổ thông

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2020

Kính gửi:

- Các sở giáo dục và đào tạo;
- Các cơ sở đào tạo giáo viên ngoại ngữ.

Căn cứ Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020”; Căn cứ Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDDT) đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng khung năng lực giáo viên tiếng ngoại ngữ cơ sở giáo dục phổ thông (*gửi kèm Công văn này*). Bộ GDĐT hướng dẫn sử dụng khung năng lực giáo viên ngoại ngữ cơ sở giáo dục phổ thông như sau:

1. Khung năng lực giáo viên ngoại ngữ cơ sở giáo dục phổ thông là nội dung gợi ý để xây dựng minh chứng đảm bảo xác thực, phù hợp trong quá trình đánh giá giáo viên ngoại ngữ cơ sở giáo dục phổ thông theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông được quy định tại Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GDDT quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (Thông tư 20).

2. Căn cứ vào tình hình thực tiễn của địa phương, các sở giáo dục và đào tạo chỉ đạo, hướng dẫn các cơ sở giáo dục nghiên cứu, tham khảo Khung năng lực giáo viên ngoại ngữ cơ sở giáo dục phổ thông để vận dụng thống nhất với 15 tiêu chí của chuẩn nghề nghiệp được quy định tại Thông tư 20. Không sử dụng khung năng lực giáo viên ngoại ngữ cơ sở giáo dục phổ thông để xếp loại thi đua giáo viên ngoại ngữ cơ sở giáo dục phổ thông hằng năm.

3. Các cơ sở đào tạo giáo viên ngoại ngữ tham khảo khung năng lực giáo viên ngoại ngữ cơ sở giáo dục phổ thông để xây dựng, điều chỉnh và hoàn thiện các chương trình đào tạo giáo viên ngoại ngữ cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng

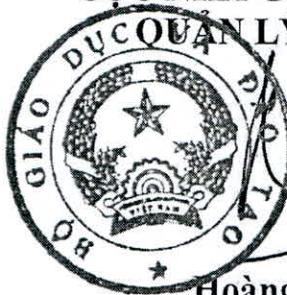
yêu cầu năng lực cho giáo viên ngoại ngữ thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 và yêu cầu của Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2020-2030.

Bộ GDĐT đề nghị các Sở GDĐT, các cơ sở đào tạo giáo viên ngoại ngữ nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc báo cáo Bộ GDĐT (qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục và Bộ phận thường trực Ban quản lý Đề án ngoại ngữ Quốc gia) để được hướng dẫn giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở GD, KH và CN Bạc Liêu;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng (để báo cáo);
- BPTTĐANNQG, Vụ GDTH, Vụ GDTrH, Vụ GDTX, Vụ GDDT, Thanh tra Bộ (để thực hiện);
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC NHÀ GIÁO VÀ CÁN BỘ



Hoàng Đức Minh

Ký bởi: Bộ Giáo dục và Đào tạo
Cơ quan: Bộ Giáo dục và Đào tạo
Ngày ký: 11-06-2020 12:46:06
+07:00

KHUNG NĂNG LỰC GIÁO VIÊN NGOẠI NGỮ CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Công văn số /BGDĐT-NCBQLGD ngày tháng năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. Giải thích thuật ngữ

Trong Khung năng lực giáo viên ngoại ngữ Việt Nam (KNLGVNNVN) các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ngoại ngữ (nói chung), ngôn ngữ đích (nói riêng): các ngôn ngữ được giảng dạy cho người học trong hệ thống giáo dục quốc dân với tư cách là ngoại ngữ. Hai thuật ngữ này được sử dụng thay thế nhau xuyên suốt Khung năng lực.
 2. Tiêu chuẩn: Các nhóm năng lực tổng quát
 3. Tiêu chí: Các năng lực thành phần
 4. Mức đạt mỗi tiêu chí:
- Ba mức trong mỗi tiêu chí: Đạt, Khá, Tốt

Ba mức này tương thích với 3 mức trong Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông (được ban hành theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo); dựa trên ba mức của năng lực ART: Apply – Năng lực ứng dụng, Reflect – Năng lực chiêm nghiệm (bao gồm phân tích, đánh giá, lý giải), Transfer – Năng lực chuyển giao tri thức và kỹ năng; và đồng thời tương thích với ba mức Developing, Competent và Expert trong lộ trình phát triển năng lực giảng dạy ngoại ngữ của Cambridge. Trong KNLGVNNVN được trình bày ở phần tiếp theo, mỗi tiêu chí sẽ được đánh giá dựa trên ba mức độ Đạt, Khá và Tốt kể trên. Các cấp độ này được trình bày thông qua minh họa của mô hình tháp với giả định mức cao hơn đã bao gồm các yêu cầu ở mức thấp hơn liên kề.

Mức	Lý giải
Đạt	Có năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào bối cảnh thực tế.
Khá	Có năng lực chiêm nghiệm về hiệu quả của việc vận dụng kể trên, bao gồm khả năng phân tích, đánh giá, lý giải kết quả vận dụng; từ đó, có

	những điều chỉnh tương ứng.
Tốt	Có năng lực chuyển giao tri thức, kỹ năng sang cho đồng nghiệp.

II. Tiêu chuẩn và tiêu chí

TIÊU CHUẨN		TIÊU CHÍ
1	Năng lực sử dụng ngôn ngữ đích và vận dụng các kiến thức liên quan đến ngôn ngữ đích vào quá trình giảng dạy	<p>1.1. Năng lực sử dụng ngôn ngữ đích</p> <p>1.2. Năng lực sử dụng ngôn ngữ đích để giảng dạy</p> <p>1.3. Năng lực vận dụng kiến thức về Khung Năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN) vào quá trình giảng dạy</p> <p>1.4. Năng lực vận dụng hệ thống kiến thức ngôn ngữ đích vào quá trình giảng dạy</p> <p>1.5. Năng lực vận dụng kiến thức về quá trình thu đắc ngôn ngữ thứ hai vào quá trình giảng dạy</p> <p>1.6. Năng lực vận dụng kiến thức về văn hóa/liên văn hóa vào quá trình giảng dạy</p> <p>1.7. Năng lực vận dụng kiến thức về Khung Chương trình giáo dục phổ thông vào quá trình giảng dạy</p>
2	Năng lực vận dụng các đường hướng, phương pháp giảng dạy	<p>2.1. Năng lực chọn đường hướng và phương pháp giảng dạy phù hợp</p> <p>2.2. Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy cho một đơn vị bài học cụ thể</p> <p>2.3. Năng lực triển khai kế hoạch giảng dạy trên lớp</p> <p>2.4. Năng lực kiểm tra đánh giá ngoại ngữ</p> <p>2.5. Năng lực khai thác và sử dụng các nguồn học liệu phục vụ quá trình giảng dạy</p> <p>2.6. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin vào</p>

TIÊU CHUẨN		TIÊU CHÍ
	quá trình giảng dạy	
3	Năng lực vận dụng kiến thức về yếu tố cá nhân của người học vào giảng dạy ngoại ngữ	3.1. Năng lực vận dụng kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý người học vào quá trình giảng dạy
		3.2. Năng lực vận dụng các kinh nghiệm học ngoại ngữ của mình cũng như của người học vào hỗ trợ quá trình giảng dạy
		3.3. Năng lực phát triển tư duy phản biện và sáng tạo cho người học
4	Năng lực phát huy giá trị của việc học ngoại ngữ và tính chuyên nghiệp trong giảng dạy ngoại ngữ	4.1. Năng lực phát huy giá trị của việc học ngoại ngữ và tính chuyên nghiệp trong giảng dạy ngoại ngữ
		4.2. Năng lực hợp tác trong giảng dạy ngoại ngữ
		4.3. Năng lực cập nhật kiến thức về giảng dạy ngoại ngữ cũng như triển khai các dự án nghiên cứu về giảng dạy ngoại ngữ
		4.4. Năng lực thực hành đạo đức nghề nghiệp trong giảng dạy ngoại ngữ
5	Năng lực vận dụng hiểu biết về bối cảnh chung vào quá trình giảng dạy ngoại ngữ	5.1. Năng lực liên hệ hoạt động giảng dạy ngoại ngữ với bối cảnh chung
		5.2. Năng lực vận dụng hiểu biết về cách sử dụng ngôn ngữ đích của các quốc gia trong khu vực vào quá trình giảng dạy

1. Tiêu chuẩn 1: Năng lực sử dụng ngôn ngữ đích và vận dụng các kiến thức liên quan đến ngôn ngữ đích vào quá trình giảng dạy

1.1 Năng lực sử dụng ngôn ngữ đích

Giáo viên đạt mức năng lực sử dụng ngôn ngữ đích được quy định cho cấp/bậc học mình đang giảng dạy (bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc hoặc

tương đương đối với giáo viên tiếng Anh tiểu học và THCS; bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc hoặc tương đương đối với giáo viên THPT).

Đạt	Đạt mức năng lực sử dụng ngôn ngữ đích được quy định cho cấp/học mìn đang giảng dạy.
Khá	Có khả năng tự đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ đích của bản thân; từ đó, có những giải pháp phù hợp để duy trì và nâng cao mức năng lực này.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc duy trì và nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ đích.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	
<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ, bằng cấp về năng lực sử dụng ngôn ngữ đích còn hiệu lực của các cơ sở Khảo thí được cấp phép về hoạt động đo lường, đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ đích. - Giấy chứng nhận hoặc/và chứng chỉ tham dự các khóa học bồi dưỡng, nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ đích. - Sổ tay phát triển nghiệp vụ hoặc nhật ký chuyên môn của giáo viên có nêu rõ hoạt động tự bồi dưỡng và nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ đích. - Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên môn, tập huấn tại đơn vị hoặc liên đơn vị về bồi dưỡng và nâng cao năng lực sử dụng ngôn ngữ đích. 	

1.2 Năng lực sử dụng ngôn ngữ đích để giảng dạy

Giáo viên có năng lực sử dụng ngôn ngữ đích làm công cụ để giảng dạy chính ngôn ngữ đó.

Đạt	Có khả năng sử dụng ngôn ngữ đích làm công cụ để giảng dạy chính ngôn ngữ đó.
Khá	Có khả năng phân tích tác động của việc sử dụng ngôn ngữ đích trong giảng dạy; từ đó, có những điều chỉnh thích hợp, nhằm tối đa hóa số lượng và chất lượng các cơ hội học tập mà việc sử dụng ngôn ngữ đích mang lại cho người học.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong hoạt động sử dụng ngôn ngữ đích làm công cụ giảng dạy chính ngôn ngữ đó.

Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:

- Chứng chỉ về năng lực sử dụng ngôn ngữ đích trong giảng dạy do các cơ sở Khảo thí và đào tạo được cấp phép về hoạt động đo lường, đánh giá năng lực sử dụng ngôn ngữ đích trong giảng dạy.
- Dự giờ các bài dạy trực tiếp của giáo viên.
- Bản tự đánh giá trong đó giáo viên nghe/xem lại băng ghi âm/hình của buổi học và phân tích các tác động của việc sử dụng ngôn ngữ đích trên lớp đối với cơ hội học tập của người học.
- Nhật ký giảng dạy trong đó giáo viên chiêm nghiệm về việc sử dụng ngôn ngữ đích trên lớp của họ và các động của việc sử dụng này lên cơ hội học tập của học sinh.
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về nội dung sử dụng ngôn ngữ đích làm công cụ giảng dạy chính ngôn ngữ đó.

1.3 Năng lực vận dụng kiến thức về Khung Năng Lực Ngoại Ngữ 6 Bậc dùng cho Việt Nam (KNLNN) vào quá trình giảng dạy

Giáo viên hiểu ý nghĩa của những đặc tả cho các bậc năng lực trong KNLNN, đặc biệt là những đặc tả của bậc năng lực được lựa chọn làm chuẩn đầu ra cho người học ở cấp/bậc học mình đang giảng dạy, và vận dụng sự hiểu biết này vào các hoạt động giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá.

Đạt	Có khả năng mô tả lại những nội dung quan trọng của các bậc năng lực trong KNLNN, đặc biệt là bậc năng lực được qui định là chuẩn đầu ra cho cơ sở giáo dục mình đang giảng dạy và có thể vận dụng sự hiểu biết này vào các hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả việc vận dụng kiến thức về KNNLN vào các hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá; từ đó, tìm ra các điểm hạn chế và tiến hành các bước điều chỉnh tương ứng.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc hiểu và vận dụng

kiến thức về KNLNN vào các hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá.

Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:

- Điều tra hoặc phỏng vấn giáo viên về mức độ hiểu biết và vận dụng kiến thức về KNLNN vào quá trình giảng dạy của họ.
- Yêu cầu giáo viên phân tích mối liên hệ giữa kế hoạch giảng dạy một đơn vị bài học cụ thể hay một bài kiểm tra so với chuẩn đầu ra.
- Biên bản các cuộc họp, sinh hoạt chuyên đề hay tập huấn về nội dung KNLNN và cách vận dụng KNLNN vào hoạt động giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá.

1.4 Năng lực vận dụng hệ thống kiến thức ngôn ngữ đích vào quá trình giảng dạy

Giáo viên nắm được hệ thống kiến thức về ngôn ngữ đích và có khả năng vận dụng những kiến thức này vào quá trình giảng dạy.

Đạt	Có kiến thức và khả năng miêu tả các nội hàm kiến thức cấu thành của ngôn ngữ đích (ví dụ ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, chức năng ngôn ngữ, v.v.) một cách có hệ thống và có năng lực vận dụng những kiến thức kể trên vào hoạt động giảng dạy.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả việc vận dụng hệ thống kiến thức ngôn ngữ đích vào hoạt động giảng dạy; từ đó, tìm ra được các điểm hạn chế và tiến hành các bước điều chỉnh tương ứng.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc hiểu và vận dụng hệ thống kiến thức ngôn ngữ đích vào các hoạt động giảng dạy.

Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:

- Các bài kiểm tra chuẩn hóa về kiến thức về ngôn ngữ đích do các đơn vị đào tạo, bồi dưỡng giáo viên được Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận.
- Dự giờ giáo viên, đánh giá các hoạt động giáo viên làm mẫu hay phân tích về đặc trưng của ngôn ngữ đích.
- Yêu cầu giáo viên chỉ ra và phân tích mối liên hệ giữa các cấu phần của ngôn

ngữ đích trong một bộ sách giáo khoa, một bài kiểm tra hay một khung chương trình.

- Biên bản các cuộc họp, sinh hoạt chuyên đề hay tập huấn về kiến thức chuyên ngành về ngôn ngữ đích và cách vận dụng kiến thức này vào hoạt động giảng dạy.

1.5 Năng lực vận dụng kiến thức về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai vào giảng dạy

Giáo viên nắm được những kiến thức cơ bản về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai và có khả năng vận dụng những kiến thức này vào quá trình giảng dạy.

Đạt	Có khả năng miêu tả các bước cơ bản trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai, gọi tên và miêu tả tác động của các yếu tố có thể ảnh hưởng đến quá trình này và có khả năng vận dụng các kiến thức kể trên vào hoạt động giảng dạy.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả việc vận dụng kiến thức về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai vào hoạt động giảng dạy; từ đó, tìm ra được các điểm hạn chế và tiến hành các bước điều chỉnh tương ứng.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc hiểu và vận dụng kiến thức về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai vào hoạt động giảng dạy.

Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:

- Các bài kiểm tra chuẩn hóa về kiến thức quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai (ví dụ: Teaching Knowledge Test).
- Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ hiểu và vận dụng kiến thức về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai vào giảng dạy; Xem kế hoạch giảng dạy, dự giờ và yêu cầu giáo viên phân tích các đặc điểm về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai được vận dụng trong bài giảng.
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về quá trình thụ đắc ngôn ngữ thứ hai và cách vận dụng kiến thức này vào hoạt động giảng dạy.

1.6 Năng lực vận dụng các kiến thức về văn hóa/liên văn hóa vào quá trình giảng dạy

Giáo viên nắm được kiến thức cơ bản về đặc trưng văn hóa các nước sử dụng ngôn ngữ đích và vận dụng kiến thức này vào quá trình giảng dạy chính ngôn ngữ đó.

Đạt	Có khả năng nêu được đặc trưng văn hóa của các nước sử dụng ngôn ngữ đích, miêu tả sự ảnh hưởng của các đặc trưng này lên cách sử dụng ngôn ngữ đích và vận dụng những kiến thức kể trên vào hoạt động giảng dạy.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả việc vận dụng kiến thức văn hóa và liên văn hóa vào hoạt động giảng dạy; từ đó, tìm ra được các điểm hạn chế và tiến hành các bước điều chỉnh tương ứng.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc hiểu và vận dụng kiến thức văn hóa và liên văn hóa vào hoạt động giảng dạy.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	
<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ hiểu và vận dụng kiến thức về văn hóa, liên văn hóa vào giảng dạy. - Xem kế hoạch giảng dạy, dự giờ và yêu cầu giáo viên phân tích các đặc điểm văn hóa được vận dụng trong bài giảng. - Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về yếu tố văn hóa, liên văn hóa và cách vận dụng kiến thức này vào hoạt động giảng dạy. 	

1.7. Năng lực vận dụng kiến thức về Khung Chương Trình Giáo Dục Phổ Thông vào quá trình giảng dạy

Giáo viên nắm được các nội dung ngôn ngữ trong Khung Chương trình giáo dục phổ thông (môn ngoại ngữ), đặc biệt các nội dung liên quan đến cấp/bậc học mình đang giảng dạy và vận dụng kiến thức này vào quá trình giảng dạy ngôn ngữ đích.

Đạt	Có khả năng nêu được các nội dung ngôn ngữ trong Khung Chương trình giáo dục phổ thông của ngôn ngữ đang giảng dạy, đặc biệt các nội dung liên quan đến cấp/bậc học mình
-----	--

	đang giảng dạy và vận dụng những kiến thức kể trên vào hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả việc vận dụng kiến thức về Khung Chương trình giáo dục phổ thông của ngôn ngữ đang giảng dạy vào hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá; từ đó, tìm ra được các điểm hạn chế và tiến hành các bước điều chỉnh tương ứng.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc hiểu và vận dụng kiến thức về trong Khung Chương trình giáo dục phổ thông của ngôn ngữ đang giảng dạy vào hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	
<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra hay phỏng vấn về cách giáo viên hiểu và vận dụng kiến thức về Khung Chương trình giáo dục phổ thông vào giảng dạy và kiểm tra đánh giá. - Xem kế hoạch giảng dạy, dự giờ và yêu cầu giáo viên phân tích các đặc điểm của Khung Chương Trình được vận dụng trong bài giảng. - Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về Khung Chương trình giáo dục phổ thông môn ngoại ngữ và cách vận dụng kiến thức này vào hoạt động giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá. 	

2. Tiêu chuẩn 2: Năng lực vận dụng các đường hướng, phương pháp giảng dạy

2.1. Năng lực lựa chọn đường hướng và phương pháp giảng dạy phù hợp

Giáo viên có khả năng lựa chọn một hoặc nhiều đường hướng, phương pháp¹ giảng dạy ngôn ngữ phù hợp với mục đích, đối tượng và bối cảnh mình đang giảng dạy, nhằm đạt mục tiêu cuối cùng là phát triển năng lực giao tiếp cho người học.

¹ Đường hướng (approach): các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ có học thuyết chông lủng, bao gồm các học thuyết về bản chất của ngôn ngữ và bản chất của quá trình học ngôn ngữ. Ví dụ: Communicative Language Teaching Approach.

Phương pháp (method): các phương pháp giảng dạy ngoại ngữ không có học thuyết chông lủng. Ví dụ: Grammar-Translation Method.

Đạt	Có khả năng lựa chọn một hoặc nhiều đường hướng, phương pháp, kỹ thuật giảng dạy ngôn ngữ phù hợp với mục đích, đối tượng và bối cảnh mình đang giảng dạy để phát triển năng lực giao tiếp cho người học.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả việc vận dụng các đường hướng, phương pháp, kỹ thuật vào hoạt động giảng dạy; từ đó, tìm ra các điểm hạn chế và tiến hành các bước điều chỉnh tương ứng.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc tiếp cận và vận dụng các đường hướng, phương pháp, kỹ thuật giảng dạy sao cho phù hợp với mục đích, đối tượng và bối cảnh giảng dạy.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	
<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ hiểu và vận dụng kiến thức về đường hướng, phương pháp, kỹ thuật giảng dạy. - Điều tra và phỏng vấn học sinh về hiệu quả của các phương pháp, kỹ thuật giáo viên sử dụng trên lớp học. - Xem kế hoạch dạy học, dự giờ và yêu cầu giáo viên phân tích các đặc điểm của đường hướng và phương pháp được vận dụng trong bài giảng. 	

2.2. Năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy cho một đơn vị bài học cụ thể
Giáo viên có năng lực xây dựng kế hoạch giảng dạy cho cho một đơn vị bài học cụ thể.

Đạt	Có khả năng xác định đúng mục tiêu, nội dung giảng dạy cho một đơn vị bài học cụ thể; lựa chọn và tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học và đối tượng người học.
Khá	Có khả năng phân tích, lý giải vì sao cách tổ chức các hoạt động dạy học kể trên có khả năng hiện thực hóa mục tiêu bài dạy, đồng thời phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của người học và đặc trưng bối cảnh mình giảng dạy; đồng thời, tìm ra được các điểm hạn chế và tiến hành các bước điều chỉnh tương ứng.

Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy phù hợp với mục tiêu, nội dung bài học, đối tượng cũng như bối cảnh mình đang giảng dạy.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	
<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách xây dựng và sử dụng kế hoạch giảng dạy trong và sau giờ dạy. - Xem kế hoạch giảng dạy và dự giờ và yêu cầu giáo viên phân tích cách họ tổ chức các hoạt động dạy học nhằm hiện thực hóa mục tiêu bài dạy, cũng như giải thích sự phù hợp của các hoạt động dạy học đó so với nội dung, đối tượng và bối cảnh họ đang giảng dạy. - Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về cách xây dựng và sử dụng kế hoạch giảng dạy trong và sau mỗi bài dạy. 	

2.3. Năng lực triển khai kế hoạch giảng dạy trên lớp

Giáo viên có năng lực triển khai các hoạt động dạy học được miêu tả trong kế hoạch giảng dạy cho một đơn vị bài học cụ thể.

Đạt	Có khả năng triển khai các hoạt động dạy học được miêu tả trong kế hoạch giảng dạy và có thể kịp thời điều chỉnh các hoạt động này để phù hợp với các tình huống xảy ra trong lớp học.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá, chiêm nghiệm về những ưu, nhược điểm sau mỗi bài học để có những điều chỉnh phù hợp cho những bài học tiếp theo.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc triển khai kế hoạch giảng dạy trên lớp, đánh giá, chiêm nghiệm về hiệu quả giờ học để có những điều chỉnh tốt hơn cho những giờ học tiếp theo.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	
<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ triển khai kế hoạch giảng dạy. - Xem kế hoạch giảng dạy, dự giờ và yêu cầu giáo viên phân tích cách họ triển khai kế hoạch giảng dạy, những tình huống họ phải thay đổi kế hoạch giảng dạy, 	

cách họ đánh giá và chiêm nghiệm về ưu nhược điểm sau mỗi bài dạy và lồng ghép kết quả đánh giá và chiêm nghiệm đó vào việc xây dựng kế hoạch giảng dạy cho những bài kế tiếp.

- Nhật ký cá nhân về giảng dạy.
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về cách triển khai kế hoạch giảng dạy, đánh giá và chiêm nghiệm về hiệu quả của mỗi buổi học và cách sử dụng kết quả đánh giá và chiêm nghiệm này trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy cho những bài kế tiếp.

2.4. Năng lực kiểm tra đánh giá ngoại ngữ

Giáo viên có khả năng thiết kế và sử dụng các công cụ kiểm tra đánh giá để thu thập minh chứng về năng lực sử dụng ngôn ngữ đích của học sinh, từ đó đưa ra các quyết định xác tín về người học cũng như chương trình giảng dạy.

Đạt	Có khả năng xác định được mục đích kiểm tra đánh giá, xác định kiến thức và năng lực ngôn ngữ cần đo, lựa chọn/thiết kế công cụ và tiến hành kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu, đối tượng và điều kiện thực tế; phân tích kết quả đánh giá và đưa ra phản hồi cho người học đồng thời điều chỉnh hoạt động dạy học tương ứng để nâng cao hiệu quả dạy và học.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả của hoạt động kiểm tra đánh giá, các điểm mạnh và hạn chế của mỗi công cụ được sử dụng, từ đó đưa ra những điều chỉnh phù hợp trong hoạt động kiểm tra đánh giá.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc lựa chọn, xây dựng hoạt động kiểm tra đánh giá, đánh giá hiệu quả của những hoạt động này và sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để đưa ra các quyết định liên quan đến người học và chương trình giảng dạy.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	
<ul style="list-style-type: none">- Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách xây dựng và triển khai các hoạt động kiểm tra đánh giá.	

- Điều tra và phỏng vấn học sinh về hiệu quả của các hoạt động kiểm tra đánh giá cũng như hoạt động phản hồi về kết quả kiểm tra đánh giá.
- Xem kế hoạch giảng dạy, dự giờ và yêu cầu giáo viên phân tích cách họ lồng ghép các hoạt động kiểm tra đánh giá vào mỗi giờ học và cách họ sử dụng kết quả kiểm tra đánh giá để đưa ra các điều chỉnh về mục đích, nội dung cũng như phương pháp giảng dạy.
- Kế hoạch kiểm tra đánh giá.
- Các công cụ kiểm tra đánh giá cụ thể như bài thi và các công cụ đánh giá thay thế, phiếu phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá tới các bên liên quan.
- Tham dự các buổi giáo viên phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá cho các bên có liên quan.
- Các văn bản chính thức về quyết định liên quan đến người học và chương trình giảng dạy có được từ việc phân tích kết quả kiểm tra đánh giá.
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về cách xây dựng, triển khai hoạt động kiểm tra đánh giá, phân tích và đưa ra các quyết định xác tín về người học và chương trình giảng dạy từ kết quả kiểm tra đánh giá.

2.5. Năng lực khai thác và sử dụng các nguồn học liệu phục vụ mục đích giảng dạy

Giáo viên có năng lực khai thác và sử dụng các nguồn học liệu nhằm mục đích giảng dạy ngôn ngữ đích.

Đạt	Có khả năng sử dụng các nguồn học liệu được thiết kế sẵn phục vụ mục đích giảng dạy.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá, điều chỉnh các nguồn học liệu có sẵn và có thể thiết kế mới các nguồn học liệu phục vụ mục đích giảng dạy.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc hiểu, sử dụng, điều chỉnh cũng như thiết kế mới các nguồn học liệu phục vụ mục đích giảng dạy.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	

- Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ hiểu, phân tích, đánh giá, điều chỉnh và thiết kế mới các học liệu phục vụ mục đích giảng dạy.
- Điều tra và phỏng vấn học sinh về hiệu quả của các học liệu được sử dụng trong quá trình dạy học.
- Xem kế hoạch giảng dạy, dự giờ và yêu cầu giáo viên phân tích cách họ hiểu, đánh giá, điều chỉnh và thiết kế mới các học liệu phục vụ mục đích giảng dạy.
- Các nguồn học liệu được sử dụng trong và ngoài lớp học.
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về cách triển khai kế hoạch giảng dạy, đánh giá và chiêm nghiệm về hiệu quả của mỗi buổi học và cách sử dụng kết quả đánh giá và chiêm nghiệm này trong việc xây dựng kế hoạch giảng dạy cho những bài kế tiếp.

2.6. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình giảng dạy

Giáo viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động dạy học cũng như kiểm tra đánh giá ngoại ngữ, nhằm gia tăng hiệu quả dạy học, tăng tính tự chủ của người học cũng như tính cá nhân hóa trong quá trình dạy học.

Đạt	Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá ngoại ngữ, nhằm gia tăng hiệu quả dạy học, tăng tính tự chủ của người học cũng như tính cá nhân hóa trong quá trình dạy học.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá của mình để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp cho các lần ứng dụng sau.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá, nhằm gia tăng hiệu quả dạy học, tăng tính tự chủ của người học cũng như tính cá nhân hóa trong quá trình dạy học.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	

- Điều tra hay phỏng vấn giáo viên, học sinh về cách họ ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá.
- Xem kế hoạch giảng dạy, dự giờ và yêu cầu giáo viên phân tích cách họ tích hợp công nghệ thông tin vào quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá.
- Các sản phẩm có được do ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học ngoại ngữ, ví dụ như các khoá học trực tuyến (e-learning) hay khoá học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến (blended learning).
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về cách ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá.

3. Tiêu chuẩn 3: Năng lực vận dụng kiến thức về yếu tố cá nhân của người học

3.1. Năng lực vận dụng kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý người học vào quá trình giảng dạy

Giáo viên có khả năng nhận diện được các đặc điểm tâm sinh lý của người học; từ đó, lựa chọn được những mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy ngoại ngữ và các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với các đặc điểm này.

Đạt	Có khả năng nhận diện được các đặc điểm tâm sinh lý của người học; từ đó, lựa chọn được những mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy cũng như hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với những đặc điểm này.
Khá	Có khả năng phân tích, lý giải vì sao các những mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy cũng như hình thức kiểm tra đánh giá được lựa chọn phù hợp với các đặc điểm tâm sinh lý của người học; đồng thời, nhanh chóng phát hiện ra những điểm hạn chế để có những bước điều chỉnh phù hợp.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc nhận diện các đặc điểm tâm sinh lý của người học; từ đó, lựa chọn được những mục tiêu, nội dung, phương pháp giảng dạy cũng như hình thức kiểm tra đánh giá phù

hợp với các đặc điểm này.

Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:

- Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ nhận diện đặc điểm tâm sinh lý người học và điều chỉnh quá trình giảng dạy theo hướng phù hợp với các đặc điểm đó.
- Điều tra và phỏng vấn học sinh về hiệu quả của các điều chỉnh trên.
- Điều tra và phỏng vấn học sinh về các đặc điểm cá nhân có ảnh hưởng đến quá trình học ngoại ngữ của họ.
- Xem kế hoạch giảng dạy, dự giờ và yêu cầu giáo viên phân tích cách họ nhận diện đặc điểm tâm sinh lý của người học và điều chỉnh hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phù hợp với các đặc điểm đó
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về cách nhận diện đặc điểm tâm sinh lý của người học và điều chỉnh hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá theo hướng phù hợp với các đặc điểm đó.

3.2. Năng lực vận dụng các kinh nghiệm học ngoại ngữ vào hỗ trợ quá trình giảng dạy

Giáo viên có khả năng vận dụng những kinh nghiệm học ngoại ngữ trước đây của mình và kiến thức về kinh nghiệm học ngoại ngữ của người học vào hỗ trợ quá trình giảng dạy ngôn ngữ đích.

Đạt	Có khả năng vận dụng những kinh nghiệm, trải nghiệm học ngoại ngữ trước đây của mình và kiến thức về kinh nghiệm học ngoại ngữ của người học vào hỗ trợ hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả của những vận dụng kể trên để có những điều chỉnh phù hợp cho những lần vận dụng sau.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc vận dụng những kinh nghiệm học ngoại ngữ trước đây của mình cũng như của người học vào hỗ trợ hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	

- Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ vận dụng các kinh nghiệm/trải nghiệm học ngoại ngữ của mình và người học vào quá trình dạy học và kiểm tra đánh giá.
- Điều tra và phỏng vấn học sinh về hiệu quả của việc áp dụng này.
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về cách vận dụng những kinh nghiệm học ngoại ngữ trước đây của mình cũng như của người học vào hỗ trợ hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá.

3.3. Năng lực phát triển tư duy phản biện và sáng tạo cho người học

Giáo viên có năng lực lồng ghép các hoạt động giúp người học phát triển tư duy phản biện và sáng tạo trong quá trình dạy học ngôn ngữ đích.

Đạt	Có năng lực lồng ghép các hoạt động giúp người học phát triển khả năng tư duy phản biện và sáng tạo trong quá trình dạy học ngôn ngữ đích, đặc biệt thông qua các hoạt động tương tác, các tình huống có vấn đề trên lớp học.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá hiệu quả của các hoạt động này lên khả năng tư duy phản biện, sáng tạo cũng như sự phát triển ngôn ngữ đích của người học; cũng như, nhanh chóng phát hiện ra các điểm hạn chế để có những điều chỉnh phù hợp nhằm ra tăng hiệu quả của các hoạt động kể trên.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc lồng ghép các hoạt động giúp người học phát triển khả năng tư duy phản biện và sáng tạo trong quá trình dạy học ngôn ngữ đích.

Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:

- Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ lồng ghép các hoạt động giúp người học phát triển khả năng tư duy phản biện và sáng tạo trong quá trình dạy học ngôn ngữ đích, đặc biệt thông qua các hoạt động tương tác, các tình huống có vấn đề trên lớp học.
- Điều tra và phỏng vấn học sinh về hiệu quả của các hoạt động này lên khả năng tư duy và ngôn ngữ của họ.

- Xem kê hoạch giảng dạy, dự giờ và yêu cầu giáo viên phân tích cách họ lồng ghép các hoạt động giúp người học phát triển khả năng tư duy phản biện và sáng tạo trong quá trình dạy học ngôn ngữ đích.
- Phân tích các cuộc hội thoại tương tác trên lớp học thực tế.
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về cách lồng ghép các hoạt động giúp người học phát triển khả năng tư duy phản biện và sáng tạo trong quá trình dạy học ngôn ngữ đích.

4. Tiêu chuẩn 4: Năng lực phát huy giá trị của việc học ngoại ngữ và tính chuyên nghiệp trong giảng dạy ngoại ngữ

4.1. Năng lực phát huy giá trị của việc học ngoại ngữ và tính chuyên nghiệp trong giảng dạy ngoại ngữ

Giáo viên có năng lực phát huy giá trị của việc học ngoại ngữ và tính chuyên nghiệp trong giảng dạy ngoại ngữ.

Đạt	Có khả năng hiểu và truyền tải được giá trị của việc học ngoại ngữ cho người học và xã hội; thể hiện sự chuyên nghiệp về mọi mặt trong công tác giảng dạy.
Khá	Có khả năng phân tích, lý giải các giá trị của việc học ngoại ngữ cũng như các thực hành tính chuyên nghiệp trong giảng dạy ngoại ngữ.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc hiểu và truyền tải được giá trị của việc học ngoại ngữ cho người học và xã hội; thể hiện sự chuyên nghiệp về mọi mặt trong công tác giảng dạy.

Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:

- Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ hiểu và truyền tải được giá trị của việc học ngoại ngữ cho người học và xã hội; các biểu hiện thể hiện sự chuyên nghiệp trong công tác giảng dạy.
- Điều tra và phỏng vấn học sinh về các giá trị kể trên và tính chuyên nghiệp trong hoạt động giảng dạy của giáo viên.
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về việc hiểu và truyền tải giá trị

của việc học ngoại ngữ cho người học và xã hội, tính chuyên nghiệp trong công tác giảng dạy ngoại ngữ.

4.2. Năng lực hợp tác trong giảng dạy ngoại ngữ

Giáo viên có năng lực hợp tác trong công tác giảng dạy và giúp người học hình thành và phát triển năng lực này trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ.

Đạt	Có năng lực hợp tác trong công tác giảng dạy cũng như giúp người học hình thành và phát triển năng lực này trong quá trình dạy và học ngoại ngữ.
Khá	Có khả năng phân tích, lý giải vai trò quan trọng của năng lực hợp tác trong hoạt động dạy và học ngoại ngữ.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc phát triển năng lực hợp tác trong công tác giảng dạy cũng như giúp người học hình thành năng lực này trong quá trình dạy và học ngoại ngữ.

Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:

- Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ thực hành năng lực hợp tác trong công tác giảng dạy cũng như giúp người học hình thành năng lực này trong quá trình dạy học ngoại ngữ.
- Điều tra và phỏng vấn học sinh về các hoạt động giúp họ phát triển năng lực hợp tác trong lớp học ngoại ngữ.
- Dự giờ và sau đó yêu cầu giáo viên phân tích lý giải cách họ lồng ghép các hoạt động giúp học sinh phát triển năng lực công tác.
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về thực hành năng lực hợp tác trong công tác giảng dạy cũng như giúp người học hình thành năng lực này trong quá trình dạy học ngoại ngữ.

4.3. Năng lực cập nhật kiến thức về giảng dạy ngoại ngữ cũng như triển khai các dự án nghiên cứu về giảng dạy ngoại ngữ

Giáo viên có năng lực cập nhật các kiến thức mới về giảng dạy ngoại ngữ cũng như tiến hành hoạt động nghiên cứu độc lập nhằm mục đích hỗ trợ quá trình giảng dạy ngoại ngữ.

Đạt	Có năng lực cập nhật các kiến thức mới về giảng dạy ngoại ngữ cũng như tiến hành hoạt động nghiên cứu độc lập nhằm mục đích hỗ trợ quá trình giảng dạy ngoại ngữ.
Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá các ưu điểm, hạn chế trong hoạt động dạy và học ngoại ngữ; từ đó, chủ động tìm kiếm thông tin và/hoặc tiến hành nghiên cứu nhằm hỗ trợ quá trình dạy học ngoại ngữ được diễn ra hiệu quả hơn.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc cập nhật các kiến thức mới về giảng dạy ngoại ngữ cũng như tiến hành hoạt động nghiên cứu độc lập nhằm mục đích hỗ trợ quá trình giảng dạy ngoại ngữ.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	
<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ cập nhật các kiến thức mới về giảng dạy ngoại ngữ cũng như tiến hành hoạt động nghiên cứu độc lập nhằm mục đích hỗ trợ quá trình giảng dạy ngoại ngữ. - Dự giờ và sau đó yêu cầu giáo viên phân tích lý giải cách họ vận dụng các kiến thức mới hay kết quả nghiên cứu cá nhân vào hỗ trợ công tác giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá ngoại ngữ. - Các báo cáo kết quả nghiên cứu. - Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về cập nhật các kiến thức mới về giảng dạy ngoại ngữ cũng như tiến hành hoạt động nghiên cứu độc lập nhằm mục đích hỗ trợ quá trình giảng dạy ngoại ngữ. 	

4.4.Năng lực thực hành đạo đức nghề nghiệp trong giảng dạy ngoại ngữ

Giáo viên có năng lực thực hành đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động giảng dạy ngoại ngữ.

Đạt	Có năng lực thực hành đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động giảng dạy ngoại ngữ.
-----	--

Khá	Có khả năng phân tích, đánh giá vai trò quan trọng của đạo đức nghề nghiệp cũng như tính chuyên nghiệp trong quá trình giảng dạy ngoại ngữ.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc thực hành đạo đức nghề nghiệp cũng như tiếng chuyên nghiệp trong mọi hoạt động giảng dạy ngoại ngữ.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	
<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ thực hành đạo đức nghề nghiệp trong mọi hoạt động giảng dạy ngoại ngữ. - Yêu cầu giáo viên đưa ra các ví dụ hoặc tình huống mà đạo đức nghề nghiệp bị vi phạm, đặc biệt trong giảng dạy và trong kiểm tra đánh giá; Phân tích lý do các vi phạm này. - Điều tra và phỏng vấn học sinh về cách giáo viên thực hành đạo đức nghề nghiệp cũng như thể hiện tính chuyên nghiệp trong mọi hoạt động giảng dạy ngoại ngữ. - Văn bản quy định về đạo đức nghề nghiệp trong giảng dạy và kiểm tra đánh giá ngoại ngữ. - Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn thực hành đạo đức nghề nghiệp cũng như tiếng chuyên nghiệp trong mọi hoạt động giảng dạy ngoại ngữ. 	

5. Tiêu chuẩn 5: Năng lực vận dụng hiểu biết về bối cảnh chung vào quá trình giảng dạy ngoại ngữ

5.1. Năng lực liên hệ hoạt động giảng dạy ngoại ngữ với bối cảnh chung
Giáo viên có năng lực liên hệ hoạt động giảng dạy ngoại ngữ với Khung chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, nhất là khung chương trình các môn học khác cùng bậc/cấp mình giảng dạy, nhằm gia tăng hiệu quả cho hoạt động giảng dạy ngoại ngữ.

Đạt	Có năng lực liên hệ hoạt động giảng dạy ngoại ngữ với với Khung chương trình giáo dục phổ thông tổng thể, nhất là khung chương trình các môn học khác cùng bậc/cấp mình
-----	---

	giảng dạy.
Khá	Có khả năng phân tích mối liên hệ nêu trên nhằm có những biện pháp gia tăng hiệu quả của hoạt động giảng dạy ngoại ngữ.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc liên hệ hoạt động giảng dạy ngoại ngữ với khung chương trình cũng như với các môn học khác, nhằm gia tăng hiệu quả cho hoạt động giảng dạy ngoại ngữ.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	
<ul style="list-style-type: none"> - Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ liên hệ hoạt động giảng dạy ngoại ngữ với khung chương trình cũng như với các môn học khác, nhằm gia tăng hiệu quả cho hoạt động giảng dạy ngoại ngữ. - Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về năng lực liên hệ hoạt động giảng dạy ngoại ngữ với Khung chương trình cũng như với các môn học khác cùng bậc/cấp giảng dạy, nhằm gia tăng hiệu quả cho hoạt động giảng dạy ngoại ngữ. 	

5.2. Năng lực vận dụng hiểu biết về cách sử dụng ngôn ngữ đích của các quốc gia trong khu vực vào quá trình giảng dạy

Giáo viên có năng lực vận dụng hiểu biết của mình về cách sử dụng ngoại ngữ tại các quốc gia trong khu vực vào hoạt động giảng dạy, nhằm gia tăng hiệu quả của quá trình dạy học ngoại ngữ.

Đạt	Có năng lực vận dụng hiểu biết của mình về cách sử dụng ngoại ngữ tại các quốc gia trong khu vực vào hoạt động giảng dạy.
Khá	Có khả năng phân tích, lý giải vì sao cách vận dụng kể trên có thể gia tăng hiệu quả giảng dạy ngoại ngữ; cũng như, nhanh chóng phát hiện những điểm hạn chế để có những bước điều chỉnh tương ứng.
Tốt	Có khả năng hướng dẫn, hỗ trợ đồng nghiệp trong việc vận dụng hiểu biết của mình về cách sử dụng ngoại ngữ tại các quốc gia trong khu vực vào hoạt động giảng dạy.
Ví dụ về nguồn/cách thu thập minh chứng:	

- Điều tra hay phỏng vấn giáo viên về cách họ vận dụng hiểu biết của mình về cách sử dụng ngoại ngữ tại các quốc gia trong khu vực vào hoạt động giảng dạy.
- Các báo cáo khoa học về cách các quốc gia trong khu vực sử dụng ngoại ngữ.
- Biên bản các buổi sinh hoạt chuyên đề, tập huấn về năng lực vận dụng hiểu biết của mình về cách sử dụng ngoại ngữ tại các quốc gia trong khu vực vào hoạt động giảng dạy.

